

Số: *181* /CV-DLG

Gia Lai, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai

Mã chứng khoán: DLG

Địa chỉ trụ sở chính: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Cao Châu

Địa chỉ: 90 Lê Duẩn, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84-269) 3748 367

Fax: (84-269) 3747 366

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đức Long Gia Lai công bố thông tin:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2019;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 3 năm 2019;
- Công văn số *180* /2019/CV-DLGL ngày 30/10/2019 về việc giải trình chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo kết quả kinh doanh quý 3/2019 của BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2019 tại đường dẫn:

Website công ty: <http://www.duclonggroup.com/co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2019;
- Báo cáo tài chính riêng lẻ quý 3 năm 2019;
- Công văn số *180* /2019/CV-DLGL.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN CAO CHÂU**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỨC LONG GIA LAI**

Số : 180 /2019/CV-DLGL

"V/v giải trình chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo KQKD quý 3/2019 của BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Pleiku, ngày 30 tháng 10 năm 2019

**Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước.**

**Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.**

- Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất quý 3 năm 2019 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

Công ty xin giải trình chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2019 như sau:

**I - Tại báo cáo tài chính quý 3/2019 riêng lẻ:**

STT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/giảm	Ghi chú
		Quý 3 Năm 2019	Quý 3 Năm 2018			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.044.476.512	217.945.916.910	(120.901.440.398)	(55,47)	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	97.044.476.512	217.945.916.910	(120.901.440.398)	(55,47)	
4	Giá vốn hàng bán	96.968.741.355	211.438.486.273	(114.469.744.918)	(54,14)	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	75.735.157	6.507.430.637	(6.431.695.480)	(98,84)	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	74.192.142.173	32.320.282.044	41.871.860.129	129,55	
7	Chi phí tài chính	48.737.164.781	33.369.742.089	15.367.422.692	46,05	
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	33.251.718.898	26.126.755.239	7.124.963.659	27,27	
9	Chi phí bán hàng	134.461.337	239.748.805	(105.287.468)	(43,92)	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.321.871.159	4.526.162.584	795.708.575	17,58	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.074.380.053	692.059.203	19.382.320.850	2.800,67	
12	Thu nhập khác	10.558.625	-	10.558.625		
13	Chi phí khác	125.050.885	111.425.777	13.625.108	12,23	
14	Lợi nhuận khác	(114.492.260)	(111.425.777)	(3.066.483)	2,75	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.959.887.793	580.633.426	19.379.254.367	3.337,61	
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	441.892.716	139.320.018	302.572.698	217,18	
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-		
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.517.995.077	441.313.408	19.076.681.669	4.322,71	

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế kỳ này tăng 19,38 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 do các nguyên nhân chính sau :

- Trong quý 3/2019 do ảnh hưởng của nền kinh tế, các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp gặp nhiều khó khăn nên doanh thu và giá vốn giảm so với cùng kỳ năm 2018, dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 6,43 tỷ đồng tương ứng giảm 98,84% so với cùng kỳ năm 2018.

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 41,87 tỷ đồng do kết chuyển thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng và các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính.



- Chi phí tài chính tăng 15,37 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018 do Công ty trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính và lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng tăng so với cùng kỳ năm 2018.

- Chi phí bán hàng giảm 105 triệu đồng do doanh thu bán hàng giảm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 795,7 triệu đồng do một số nhân viên đến thời hạn tăng lương theo quy định của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty phát sinh một số hạng mục cải tạo nâng cấp văn phòng dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

- Chi phí khác tăng do trong kỳ các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ khác của Công ty tăng nhưng không đáng kể.

- Lợi nhuận trước thuế tăng dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 19,07 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018.

## II - Tại báo cáo tài chính hợp nhất quý 3/2019:

Stt	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán		Chênh lệch	% Tăng/giảm	Ghi chú
		Quý 3 Năm 2019	Quý 3 Năm 2018			
1	Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	657.938.286.323	770.634.464.725	(112.696.178.402)	(14,6)	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.270.533)	555.014.086	(561.284.619)		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	657.944.556.856	770.079.450.639	(112.134.893.783)	(14,6)	
4	Giá vốn hàng bán	523.067.201.054	644.808.333.071	(121.741.132.017)	(18,9)	
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.877.355.802	125.271.117.568	9.606.238.234	7,7	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	78.592.192.425	37.873.837.507	40.718.354.918	107,5	
7	Chi phí tài chính	89.601.246.297	78.270.816.752	11.330.429.545	14,5	
8	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(47.404.688)	-	(47.404.688)		
9	Chi phí bán hàng	15.049.854.921	19.265.542.627	(4.215.687.706)	(21,9)	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.758.881.991	43.512.486.095	2.246.395.896	5,2	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	63.012.160.330	22.096.109.601	40.916.050.729	185,2	
12	Thu nhập khác	(7.960.673.494)	2.648.033.771	(10.608.707.265)		
13	Chi phí khác	839.162.617	5.440.334.789	(4.601.172.172)	(84,6)	
14	Lợi nhuận khác	(8.799.836.111)	(2.792.301.018)	(6.007.535.093)	215,1	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.212.324.219	19.303.808.583	34.908.515.636	180,8	
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.460.791.013	6.775.691.299	(1.314.900.286)	(19,4)	
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.025.170.823	1.012.408.318	1.012.762.505	100,0	
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	46.726.362.383	11.515.708.966	35.210.653.417	305,8	

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Quý 3/2019 tăng 34,9 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018, do các nguyên nhân chính sau:

- Trong quý 3/2019 Doanh thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh đá granit, phân bón và sản phẩm linh kiện điện tử giảm do Công ty con (Công ty TNHH Mass Noble Investments) tăng quy mô sản xuất và mở rộng thị trường sang các nước khác, giá nguyên liệu đầu vào bình quân quý 3/2019 tăng 18,7% so với quý 3/2018 nên tăng giá bán với sự cạnh tranh trên thị trường dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bán đá, phân bón và buôn bán linh kiện điện tử đều giảm trong quý 3/2019.



- Các khoản giảm trừ doanh thu giảm do chiết khấu thương mại của Công ty TNHH Mass Noble Investments chênh lệch tỷ giá cuối kỳ giảm xuống.

- Doanh thu hoạt động tài chính trong Quý 3/2019 tăng 40,72 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018. Do Công ty mẹ kết chuyển thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH SX-TM-DV Đồng Phú Hưng chiếm tỷ trọng cao và các công ty thành viên phát sinh thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính.

- Chi phí tài chính tăng so với cùng kỳ năm 2018 do lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng tăng so với cùng kỳ năm 2018.

- Chi phí bán hàng giảm do doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong quý 3/2019 giảm so với cùng kỳ năm 2018.

- Thu nhập khác giảm so với cùng kỳ năm 2018 do khoản thu nhập khác quý 2/2019 của Công ty TNHH Mass Noble Investments sau khi xem xét về bản chất thì khoản thu nhập này đã được phân loại lại, chuyển sang doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

- Chi phí khác giảm do trong kỳ Công ty mẹ và các công ty con khoản tiền chậm nộp thuế cho Cơ quan thuế và các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ khác giảm.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm do tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng do chi phí trích lập dự phòng tại công ty con và công ty liên kết kỳ này cao hơn so với kỳ trước. Nên thuế TNDN hoãn lại tương ứng với khoản điều chỉnh chi phí dự phòng đã trích lập cao theo trên hợp nhất.

Từ các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 9 tháng đầu năm 2019 tăng 35,21 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 305,8% so với cùng kỳ năm 2018.

Trên đây là giải trình chênh lệch LNST trên 10% tại báo cáo KQKD quý 3/2019 của BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu KT.

-

